

Số: 110 /CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

V/v cung cấp số liệu, đánh giá tác động và kiến nghị đối với Dự luật Khôi phục thị trường nội địa năm 2026 của Hoa Kỳ

Kính gửi: Bộ Công Thương

Phúc đáp Công văn số 5245/BCT-TTNN ngày 08/7/2026 của Bộ Công Thương về việc cung cấp thông tin kim ngạch xuất khẩu và đề xuất giải pháp ứng phó với Dự luật Khôi phục thị trường nội địa năm 2026 của Hoa Kỳ, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) trân trọng báo cáo số liệu, đánh giá tác động và kiến nghị như sau:

I. SỐ LIỆU XK CÁC MẶT HÀNG THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI DỰ LUẬT

Dự luật đề xuất áp dụng hạn ngạch thuế quan theo quốc gia đối với tôm nước ấm, tôm tằm bột, tôm chín đông lạnh, tôm hùm đất và phi lê cá da trơn đông lạnh. Đối chiếu với cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ cho thấy phạm vi tác động rất lớn, tập trung trực tiếp vào hai nhóm sản phẩm chủ lực là tôm và cá tra.

XK tôm, cá tra sang Mỹ, 2023-2026 (USD)				
Sản phẩm – (mã HS áp hạn ngạch theo Dự luật của Mỹ)	2023	2024	2025	6T/2026
1. Cá tra				
3046200	265.898.360	326.171.528	301.200.124	164.457.624
Tổng XK cá tra sang Mỹ	270,958,349	345,105,192	324,706,361	167,334,633
Tỷ trọng hạn ngạch/tổng XK	99,6%	99,7%	99,5%	99,6%
2. Tôm các loại (tôm nước ấm, tôm tằm bột, tôm chín đông lạnh + tôm hùm đất)				
3061900	378.911	534.845	339.000	202.494
3061790	1.431.558	1.971.728	3.638.716	1.535.075
3061730	448.843	889.973	231.439	32.648
3061729	1.397.853	375.190	165.061	98.340
3061722	42.249.339	50.737.977	49.005.455	13.928.534
3061721	189.788.448	197.060.732	223.412.104	57.916.579
3061719	451.200	612.289	601.958	5.305.278
3061711	58.675.432	61.386.685	51.230.185	28.756.448
16052990	222.478.759	256.261.890	285.341.562	75.838.100
16052930	91.718.782	124.835.486	116.395.719	72.602.234
16052920	71.720	70	6.752	6.709
16052110			150	0
16052100	70.057.786	56.587.422	61.267.345	31.264.940
16054000 (tôm hùm đất)	614.793	1.724.871	822.651	0
Tổng tôm (theo mã HS tính hạn ngạch)	679.763.424	752.979.157	792.458.097	287.487.380
Tổng XK tôm sang Mỹ	682.455.116	755.586.909	796.041.299	288.683.344
Tỷ trọng hạn ngạch/tổng XK	99,6%	99,7%	99,5%	99,6%
Nguồn: Số liệu thống kê hải quan do VASEP tổng hợp. Kim ngạch thuộc phạm vi dự luật được xác định theo các mã HS/HTS nêu trong dự thảo.				

Riêng trong năm 2025, kim ngạch tôm và cá tra thuộc phạm vi dự luật đạt khoảng **1,1 tỷ USD**, tương đương **57,3%** tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Hoa Kỳ. Trong 6 tháng đầu năm 2026, riêng nhóm tôm thuộc phạm vi hạn ngạch đạt 287,5 triệu USD, chiếm 99,6% tổng kim ngạch tôm xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

II. CÁC QUY ĐỊNH CÓ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN THỦY SẢN VIỆT NAM

1. Đối với tôm: Dự luật quy định tổng hạn ngạch cho tôm có xuất xứ Việt Nam là 58.876.290 kg/năm. Trong tổng hạn ngạch này có các hạn ngạch phụ gồm: 22.951.774 kg tôm nuôi nước ấm đông lạnh; 21.182.764 kg tôm chín đông lạnh; và 13.562.412 kg tôm tẩm bột. Lượng nhập khẩu vượt tổng hạn ngạch hoặc vượt từng hạn ngạch phụ tương ứng sẽ chịu thuế suất 40% theo trị giá, cộng thêm các loại thuế khác đang áp dụng như thuế CBPG, thuế chống trợ cấp. Theo thống kê những năm gần đây của USDA, ước tính trung bình mỗi năm sẽ có khoảng 5000 – 8000 tấn tôm Việt Nam XK sang Hoa Kỳ nằm ngoài hạn ngạch, đồng nghĩa với việc chịu 40% thuế, cộng với các thuế khác.

2. Đối với phi lê cá da trơn/cá tra đông lạnh: Dự luật quy định hạn ngạch cho Việt Nam là 84.000.000 kg/năm, nhưng mức thuế ngay trong hạn ngạch đã là 50% theo trị giá; lượng ngoài hạn ngạch chịu thuế 200% theo trị giá. Các mức thuế này tiếp tục được cộng với các loại thuế khác áp dụng theo pháp luật Hoa Kỳ, trong đó có thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp nếu phát sinh.

3. Đối với tôm hùm đất: Hạn ngạch dành cho Việt Nam chỉ ở mức 63.503 kg/năm; thuế trong hạn ngạch là 302,53% và ngoài hạn ngạch là 402,53%, chưa bao gồm các loại thuế khác. Mặc dù kim ngạch hiện nay không đáng kể, cách thiết kế mức thuế cho thấy tính chất bảo hộ rất cao của dự luật.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Nguy cơ đóng cửa thực tế thị trường Hoa Kỳ đối với cá tra Việt Nam. Phi lê cá tra đông lạnh mã HS 0304.62 chiếm khoảng 92,8-98,1% kim ngạch cá tra xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong giai đoạn 2023-2025. Với thuế suất 50% ngay trong hạn ngạch, sản phẩm gần như không còn khả năng cạnh tranh thương mại; mức 200% ngoài hạn ngạch mang tính ngăn cản nhập khẩu trên thực tế. Như vậy, hạn ngạch 84.000 tấn chỉ tồn tại về danh nghĩa nhưng không tạo ra khả năng tiếp cận thị trường có ý nghĩa cho doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tác động bao trùm gần như toàn bộ tôm Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Các mã sản phẩm nằm trong phạm vi dự luật chiếm 99,5-99,7% kim ngạch tôm xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong giai đoạn 2023-2025. Khi vượt hạn ngạch, thuế 40% sẽ được cộng dồn với các nghĩa vụ thuế khác. Trong bối cảnh tôm Việt Nam đã phải chịu chi phí cao về nguyên liệu, lao động, logistics, kiểm soát chất lượng và tuân thủ, mức thuế cộng dồn có thể làm nhiều đơn hàng không còn hiệu quả, buộc nhà nhập khẩu giảm mua hoặc chuyển nguồn cung.

3. Hạn ngạch phụ làm gia tăng rủi ro cho sản phẩm chế biến và giá trị gia tăng. Tổng hạn ngạch tôm được chia tiếp thành các trần riêng cho tôm nuôi nước ấm đông lạnh, tôm chín đông lạnh và tôm tẩm bột. Do đó, một nhóm sản phẩm có thể hết hạn ngạch trong khi tổng hạn ngạch quốc gia vẫn chưa được sử dụng hết. Cơ chế này làm giảm tính linh hoạt của doanh nghiệp, cản trở điều chỉnh cơ cấu hàng theo nhu cầu thị trường và đặc biệt bất lợi cho các sản phẩm chế biến sâu, vốn là lợi thế của ngành tôm Việt Nam.

4. Cơ chế quản lý và phân bổ hạn ngạch chưa rõ ràng, tiềm ẩn rủi ro lớn trong thực hiện hợp đồng. Dự luật mới quy định trần theo quốc gia và theo nhóm sản phẩm nhưng chưa quy định cụ thể cơ chế phân bổ giữa các doanh nghiệp hoặc nhà nhập khẩu; quản lý theo cả năm hay từng quý; nguyên tắc ưu tiên, chuyển nhượng hoặc phân bổ lại phần hạn ngạch chưa sử dụng; cách xử lý hàng đang vận chuyển, hàng đã ký hợp đồng; thời điểm xác

định lượng hàng tính vào hạn ngạch; cũng như hệ thống công bố số dư hạn ngạch. Sự thiếu rõ ràng này có thể khiến doanh nghiệp không xác định được mức thuế thực tế tại thời điểm hàng đến cảng, phát sinh tranh chấp hợp đồng, chi phí lưu kho, tái xuất hoặc hủy đơn hàng.

5. Tác động lan tỏa tới chuỗi sản xuất trong nước. Hoa Kỳ là một trong những thị trường quan trọng nhất đối với tôm và cá tra Việt Nam. Nếu thị trường bị thu hẹp đột ngột, tác động sẽ lan đến người nuôi, cơ sở cung ứng giống và thức ăn, nhà máy chế biến, kho lạnh, vận tải, dịch vụ phụ trợ và việc làm tại Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, việc chuyển lượng hàng lớn sang các thị trường khác trong thời gian ngắn có thể tạo áp lực giảm giá và cạnh tranh nội bộ.

6. Tác động bất lợi tới chính chuỗi cung ứng và người tiêu dùng Hoa Kỳ. Hoa Kỳ phụ thuộc lớn vào nguồn thủy sản nhập khẩu. Tôm nuôi nước ấm và cá tra Việt Nam là nguồn cung bổ sung ổn định, có quy cách đa dạng và mức giá phù hợp cho các nhà nhập khẩu, hệ thống bán lẻ, nhà hàng, dịch vụ thực phẩm và người tiêu dùng Hoa Kỳ. Việc hạn chế nhập khẩu bằng các mức thuế rất cao có thể làm giảm lựa chọn, tăng chi phí đầu vào và gây áp lực lên giá thực phẩm tại Hoa Kỳ.

7. Không phù hợp với xu hướng mở rộng thương mại nông sản song phương. Năm 2025, xuất khẩu nông sản Hoa Kỳ sang Việt Nam đạt 4,7 tỷ USD; riêng thủy sản Hoa Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam đạt 114 triệu USD, tăng 77% so với năm 2024. Việt Nam đang tiếp tục mở rộng tiếp cận thị trường và tăng nhập khẩu nhiều nhóm nông sản, thủy sản của Hoa Kỳ. Việc áp dụng biện pháp hạn chế nghiêm ngặt đối với các sản phẩm thủy sản chủ lực của Việt Nam sẽ đi ngược lại mục tiêu thúc đẩy thương mại cân bằng, ổn định và cùng có lợi giữa hai nước.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Ưu tiên vận động loại tôm và cá tra Việt Nam khỏi phạm vi dự luật. Đề nghị Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng các cơ quan liên quan tăng cường ngoại giao cấp Chính phủ, ngoại giao nghị viện và làm việc với các cơ quan hành pháp Hoa Kỳ, các nghị sĩ bảo trợ dự luật và các ủy ban có thẩm quyền của Quốc hội Hoa Kỳ để đề nghị không đưa tôm và phi lê cá tra Việt Nam vào cơ chế hạn ngạch thuế quan.

2. Đẩy mạnh đàm phán và tham vấn kỹ thuật. Cần làm việc sớm với USTR, Bộ Thương mại Hoa Kỳ, USDA, Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ và các cơ quan liên quan để làm rõ cơ sở xác định hạn ngạch, số liệu giai đoạn tham chiếu, phạm vi mã HTS, phương thức giám sát, thời điểm tính hạn ngạch và cơ chế xử lý hàng đang vận chuyển. Đề nghị phía Hoa Kỳ đánh giá dựa trên nhu cầu thực tế, khả năng cung ứng nội địa và vai trò bổ sung của thủy sản Việt Nam đối với thị trường Hoa Kỳ.

3. Trong trường hợp chưa thể loại trừ hoàn toàn, đề nghị sửa đổi căn bản các điều kiện áp dụng. Đối với cá tra, mức thuế trong hạn ngạch cần trở về thuế suất thông thường theo Column 1 của HTS thay vì 50%; mức thuế ngoài hạn ngạch cần được điều chỉnh về mức hợp lý, không mang tính cấm nhập khẩu và không cộng dồn bất hợp lý với các biện pháp phòng vệ thương mại khác. Đối với tôm, hạn ngạch cần được xác định theo mức thương mại thực tế của các năm gần nhất, có hệ số tăng trưởng; cho phép linh hoạt điều chuyển giữa các hạn ngạch phụ; và có cơ chế xem xét điều chỉnh định kỳ theo nhu cầu thị trường.

4. Yêu cầu xây dựng cơ chế phân bổ hạn ngạch minh bạch, có thể dự đoán. Trường hợp dự luật tiếp tục được xem xét, cần đề nghị phía Hoa Kỳ quy định rõ cơ chế phân bổ và quản lý hạn ngạch; công bố công khai, cập nhật thường xuyên lượng hạn ngạch đã sử dụng và còn lại; có thời kỳ chuyển tiếp phù hợp; không áp dụng hồi tố; bảo lưu nghĩa vụ đối với

hợp đồng đã ký và lô hàng đang vận chuyển; đồng thời có cơ chế phân bổ lại phân hạn ngạch chưa sử dụng để tránh lãng phí và méo mó thương mại.

5. Huy động tiếng nói của các đối tác và ngành hàng tại Hoa Kỳ. Đề nghị các cơ quan đại diện Việt Nam tại Hoa Kỳ phối hợp với VASEP kết nối các nhà nhập khẩu, nhà phân phối, bán lẻ, nhà hàng, doanh nghiệp chế biến và hiệp hội người tiêu dùng Hoa Kỳ để cung cấp thông tin, đánh giá tác động và tham gia vận động chính sách. Lập luận cần nhấn mạnh tác động tăng chi phí, giảm nguồn cung, ảnh hưởng việc làm trong chuỗi phân phối và chế biến tại Hoa Kỳ, chứ không chỉ tác động tới doanh nghiệp Việt Nam.

6. Chuẩn bị bộ hồ sơ dữ liệu và lập luận thống nhất. Đề nghị xây dựng hồ sơ theo từng nhóm sản phẩm, gồm kim ngạch và khối lượng theo mã HTS; tỷ trọng nguồn cung Việt Nam trong nhập khẩu Hoa Kỳ; sản lượng và khả năng cung ứng nội địa Hoa Kỳ; mức độ khác biệt về loài, phương thức sản xuất, quy cách và phân khúc tiêu dùng; tác động dự kiến tới giá bán lẻ; hồ sơ tuân thủ về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, lao động và trách nhiệm xã hội. VASEP sẵn sàng phối hợp cung cấp số liệu và thông tin doanh nghiệp.

7. Rà soát tính tương thích với các cam kết thương mại quốc tế. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền đánh giá kỹ tính phù hợp của các mức thuế và cơ chế hạn ngạch đề xuất với các nghĩa vụ của Hoa Kỳ tại WTO, đặc biệt là cam kết về thuế suất trần, hạn chế định lượng, quản lý hạn ngạch thuế quan, nguyên tắc minh bạch và không phân biệt đối xử; đồng thời chuẩn bị phương án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam bằng các cơ chế phù hợp nếu cần thiết.

VASEP trân trọng báo cáo Bộ Công Thương và đề xuất Bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai sớm hoạt động vận động chính sách, đàm phán và tham vấn kỹ thuật với phía Hoa Kỳ. Hiệp hội sẵn sàng tiếp tục cung cấp số liệu, thông tin và phối hợp xây dựng hồ sơ lập luận phục vụ quá trình làm việc.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH&BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ**



Nguyễn Hoài Nam